TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **470**/2017/QĐHNGĐ-ST	*Quận 6, ngày 13 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm: 1981;

Thường trú: Số 580/2B đường PVC, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số 99 ấp N, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1975;

Cư trú: Số 580/2B đường PVC, Phường H, Quận F, TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 147, 150, 212, 213, 483 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 55, 57, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2017 là hoàn tòan tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Trần Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Trần Văn T được ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 15/5/2001 do Ủy ban Nhân dân Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Trần Văn T có một con chung tên Trần Tấn T, sinh ngày 21/3/2002; các bên thỏa thuận giao cháu T cho

ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Ông T phải có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để để bà T thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: Các bên tự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng); bà T phải chịu 75.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004307 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T được nhận lại 225.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 và Điều 26 Luật thi ành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 6;
- THADS Quận 6;
- Các đương sự;
- UBND P.8, Q6,TP. HCM;
- Lưu văn phòng, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký và đóng dấu)

Phan Văn Hùng